

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 67/2024/HS-ST

Ngày: 10-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hoài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Long

2. Bà Nguyễn Thị Kim Lan

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Quốc Huy - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Thị Thanh An – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 58/2024/TLST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 378/2024/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Khổng Văn Q**; sinh năm 1987; nơi sinh: Ninh Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn RHT, xã PT, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng; chỗ ở: Tổ dân phố ĐA 2, thị trấn NB, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; trình độ học vấn: 00/12; con ông: Khổng Văn C; con bà: Trần Thị N (đã chết); vợ: Nguyễn Thị Ph và có hai người con, lớn nhất sinh năm 2019, nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 07/6/2019, Phòng Cảnh sát Môi trường Công an tỉnh Lâm Đồng ban hành quyết định số 28/QĐ-XPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với Khổng Văn Q về hành vi vi phạm khai thác khoáng sản mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền với mức phạt tiền 7.500.000 đồng, hình phạt bổ sung: Buộc thực hiện các biện pháp cải tạo, phục Hi môi trường khu vực đã khai thác, đưa khu vực khai thác về trạng thái an toàn. Ngày 07/6/2019, Khổng Văn Q đã chấp hành nộp phạt.

Bị cáo bị bắt ngày 18/01/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

2. Họ và tên: **Cà Đức H**; sinh năm 1973, tại: Lâm Đồng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn LN, xã PT, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng; là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (hiện đã đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 736-QĐ/UBKTHU ngày 21/6/2024 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Lâm Hà); giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Cà Văn A (*đã chết*); con bà: Lò Thị Y; vợ: Võ Thị Thủy T và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 18/6/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Cà Đức H: Luật sư Nguyễn P1 Đại Nghĩa và Luật sư Nguyễn Văn Hoàng – Công ty Luật TNHH Đại Nghĩa; Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

3. Họ và tên: **Nhan Thế A**; sinh năm 1983, tại: Cao Bằng; nơi đăng ký thường trú và cư trú: Thôn QB, xã PT, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phi Tô, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng; là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (hiện đã đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 74-QĐ/UBKTHU ngày 21/6/2024 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Lâm Hà); giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Nhan Văn T; con bà: Nông Thị T; vợ: Nguyễn Thị Ngọc H và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 18/6/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

4. Họ tên: **Nguyễn Văn Th**; sinh ngày 05/7/1985, tại: Hải Phòng; nơi đăng ký thường trú và cư trú: Thôn TT, xã TV, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Nguyên Trưởng Công an xã Phi Tô, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng; là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (hiện đã đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 75-QĐ/UBKTHU ngày 21/6/2024 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Lâm Hà); giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Nguyễn Văn T; con bà: Trần Thị C; vợ: Nguyễn Thị Ph và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 18/6/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

5. Họ tên: **Nguyễn Phi H**; sinh năm 1983, tại: Sơn La; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn ĐT, xã ĐĐ, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Công chức địa chính Ủy ban nhân dân xã PT, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng; là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (hiện đã đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 76-QĐ/UBKTHU ngày 21/6/2024 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Lâm Hà); giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Nguyễn Hữu H; con bà: Nguyễn Thị V; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 18/6/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị P1, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ dân phố CL 1, thị trấn NB, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ dân phố VT, thị trấn ĐV, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

Bà Võ Thị Thủy T, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn NL, xã PT, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

** Người làm chứng:*

Ông Đỗ Văn T, sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn 2, xã ML, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

Ông Trần Việt Đ, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ dân phố CL, thị trấn NB, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

Ông Bùi Đức M, sinh năm 2000; địa chỉ: Tổ dân phố CL, thị trấn NB, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị Lê A, sinh năm 1979; địa chỉ: 103/2 TP, Phường 11, thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng. Vắng mặt.

Ông Lê Quốc TH, sinh năm 1989; địa chỉ: 07 TT, Phường 9, thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng. Vắng mặt.

Bà Huỳnh Thị Thu Hương, sinh năm 1973; địa chỉ: 100A HV, Phường 11, thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng. Có mặt.

Bà Phan Thị Kim D, sinh năm 1983; địa chỉ: 20b NĐQ, Phường 5, thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng. Vắng mặt.

Ông Lê Trung H, sinh năm 1982; địa chỉ: 67b NS, Phường 7, thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng. Vắng mặt.

Ông Lê Phú C, sinh năm 1984; địa chỉ: 30 ĐCT, Phường 7, thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng. Vắng mặt.

Ông Đinh Văn H, sinh năm 1989; địa chỉ: 13/6 Lữ Gia, Phường 9, thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng. Vắng mặt.

Bà Phan Thị H, sinh năm 1971; địa chỉ: khu BX, xã PT, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1987; địa chỉ: 68 ĐT, Phường 4, thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng. Vắng mặt.

Ông Đàm Văn H, sinh năm 1994; Phó trưởng Công an xã Phi Tô, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Ông Lê Thanh L, sinh năm 1971; Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự xã Phi Tô, huyện Lâm Hà. Có mặt.

Ông Lê Hoàng L, sinh năm 1998; Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự xã Phi Tô, huyện Lâm Hà. Có mặt.

** Người chứng kiến:*

Ông Phạm Thành L, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn R, xã PT, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN.

Theo các tài liệu có trong H sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hành vi khai thác khoáng sản trái phép của Khổng Văn Q:

Khổng Văn Q không được cấp phép khai thác, nạo vét, tận thu khoáng sản tại sông Đa Dâng, thôn Ryông Tô, xã Phi Tô, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Tuy nhiên, từ tháng 01/2023 đến tháng 07/2023 Khổng Văn Q đã sử dụng máy để hút cát lên bờ tại đoạn sông Đa Dâng thuộc tiểu khu 243 Khu Bãi Xái, thôn Ryông Tô, xã Phi Tô, huyện Lâm Hà. Sau đó, Q dùng xe máy đào đảo cát và tập kết thành bốn đồng cát tại bãi tập kết số 01 (hiện trường thứ nhất) giáp bờ sông và mượn xe ben của Bùi Đức Mạnh (là em họ của vợ Q) biển kiểm soát 49C-029.01 để vận chuyển tập kết cát lên 02 bãi tập kết số 02 và số 03. Bãi tập kết thứ hai (hiện trường 02), cách bãi tập kết thứ nhất 300 m Q tập kết thành một đồng cát và phủ lưới đen lên trên để không bị phát hiện. Bãi tập kết thứ 03 (hiện trường 03), cách bãi tập kết số 01 khoảng cách 60m.

Để thực hiện việc hút cát trái phép từ tháng 01/2023 đến cuối tháng 03/2023, Q đã thuê hai người đàn ông tên Tiến và Vinh (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) khai thác cát và trả công 40.000đ/m³. Từ tháng 04/2023 đến tháng 7/2023, Q thuê Cường (không rõ họ tên địa chỉ cụ thể) đặt máy nổ có gắn máy hút cát, hút cát từ dưới sông lên bờ, tiền công 40.000 đồng/m³ cát. Đồng thời, Q mượn xe của Mạnh và một số lái xe ven đường vận chuyển dần số lượng cát lên các bãi tập kết

số 02, 03 và một phần bán ra thị trường. Đầu tháng 8/2023 Q thuê Đỗ Văn T để lái máy múc cát lên xe ben cho khách mua cát, tiền công thỏa thuận là 3.000.000 đồng/tháng. Khi Q thuê Tiến, Vinh, Cường và T hút cát, mức cát lên xe ben để bán cho khách thì Q nói dối là Q có giấy phép nạo vét, tận thu khoáng sản tại khu vực lòng sông Đa Dâng để những người này tin tưởng làm thuê cho Q. Trong quá trình khai thác cát trái phép từ 01/2023 đến tháng 07/2023 Không Văn Q đã tiêu thụ một phần khối lượng khoáng sản ra thị trường là 2.661m^3 cát thu lợi bất chính số tiền 919.253.094 đồng (chín trăm mười chín triệu hai trăm năm mươi ba ngàn không trăm chín mươi tư đồng). (BL: 59-107; 124-138; 184-475; 605-639; 672-753; 672-752; 1713-1729).

Quá trình điều tra xác định số cát còn lại trên hiện trường như sau:

Hiện trường thứ nhất tại khu vực gồm đoạn sông Đa Dâng đang chảy và bãi tập kết cát thành đống trên bờ. Trên khu vực này thấy có 04 đống cát trên diện tích $579,8\text{ m}^2$. Tổng khối lượng 04 đống cát là $223,29\text{ m}^3$. Hiện trường thứ hai cách hiện trường thứ nhất 300 m về hướng Tây bắc. Tại hiện trường thứ hai có 01 đống cát trên diện tích $1.833,86\text{ m}^2$ có khối lượng $5.432,94\text{ m}^3$. Mặt ngoài đống cát có phủ lưới đen. Hiện trường thứ ba cách hiện trường thứ nhất 60 m về hướng Tây bắc, có 01 đống cát trên diện tích $851,77\text{ m}^2$, có khối lượng $553,94\text{ m}^3$. Tổng khối lượng cát đo đếm, xác định trên diện tích $3.265,43\text{m}^2$ của 03 hiện trường nêu trên là $6.210,170\text{m}^3$.

Như vậy: Tổng khối lượng cát Q đã khai thác trái phép là $8.871,170\text{m}^3$ gây thiệt hại cho nhà nước tổng số tiền trị giá là: 3.064.581.094 đồng (Ba tỷ không trăm sáu mươi tư triệu năm trăm tám mươi một ngàn không trăm chín mươi tư đồng), trong đó: Khối lượng cát Q đã tiêu thụ một phần ra thị trường là 2.661m^3 với giá trị 919.253.094 đồng (chín trăm mười chín triệu hai trăm năm mươi ba ngàn không trăm chín mươi tư đồng), khối lượng còn lại tại hiện trường $6.210,170\text{ m}^3$ với giá trị là: 2.145.328.000 đồng (hai tỷ một trăm bốn mươi lăm triệu ba trăm hai mươi tám ngàn đồng). (BL: 483-529).

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng:

Ngày 04/3/2024, Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh Lâm Đồng ban hành văn bản số 477/STNMT-KS&TNN xác định: Sở Tài nguyên và Môi trường chưa tiếp nhận, góp ý tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép khai thác khoáng sản, nạo vét tận thu khoáng sản, cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào trong ranh giới dự án của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng thủy điện Long Hội theo quyết định số 2338/QĐ-UBND về việc thu Hí đất xây dựng lòng H thủy điện Đa Dâng – ĐaHo ngày 19/9/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Ủy

ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng cũng chưa nhận được bất kỳ một văn bản nào tham mưu của các Sở liên quan đến việc này. (BL: 778-782).

Kết quả trưng cầu giám định:

Ngày 08/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng ra Quyết định số 280/QĐ-CSKT v/v trưng cầu Bộ Tài nguyên và Môi trường tiến hành giám định mẫu vật thu được tại hiện trường.

Tại Kết luận giám định tư pháp của Liên đoàn bản đồ địa chất miền Nam ngày 28/12/2023 (được Bộ Tài nguyên và Môi trường cử giám định theo Quyết định số 3404/QĐ-BTNMT ngày 30/11/2023), xác định:

Các mẫu giám định gồm: Mẫu 1; Mẫu 2 và Mẫu 3: Là Khoáng sản. Loại khoáng sản: Mẫu 1: Cát xây dựng thuộc nhóm khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường. Mẫu 2 và Mẫu 3: Cát xây dựng thuộc nhóm khoáng sản làm vật liệu xây dựng. Mẫu 1, Mẫu 2 và Mẫu 3: Có thể sử dụng làm cốt liệu cho bê tông và vữa. Mẫu 1, Mẫu 2, và Mẫu 3: Đều có màu xám vàng, trạng thái bờ rời. (BL: 530-567).

Kết quả định giá tài sản:

Ngày 02/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng đã văn bản số 09/YC-CSKT v/v yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Lâm Đồng tiến hành định giá tài sản đối với 6.210,170m³ cát vàng dùng trong xây dựng do Khổng Văn Q khai thác đặt tại 03 bãi tập kết trên hiện trường. Ngày 12/01/2024, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Lâm Đồng ban hành Kết luận định giá tài sản số: 82/KL-HĐĐGTS kết luận giá trị thị trường của 6.210,170m³ cát vàng dùng trong xây dựng do Khổng Văn Q khai thác tập kết tại 03 hiện trường nêu trên tại thời điểm phát hiện ra sự việc ngày 08/10/2023 là: 2.145.328.000 đồng (Hai tỷ một trăm bốn mươi lăm triệu ba trăm hai mươi tám nghìn đồng). (BL: 766-789).

2. *Hành vi thiếu trách nhiệm của các bị cáo: Cà Đức H, Nhan Thế A, Nguyễn Phi H, Nguyễn Văn Th.*

Hành vi Thiếu trách nhiệm của bị cáo Cà Đức H.

Căn cứ vào Công văn chỉ đạo số 1249/UBND-TNMT ngày 18/7/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Lâm Hà về việc kiểm tra, xử lý hoạt động khai thác đá chẻ tại thôn Ryông Tô, xã Phi Tô, huyện Lâm Hà, Cà Đức H chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phi Tô đã ban hành Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 21/7/2022 của Ủy ban nhân dân xã Phi Tô về việc thành lập Tổ kiểm tra, xử lý hoạt động khai thác khoáng sản trái phép tại tiểu khu 243 Khu Bãi Sái, thôn Ryông Tô, xã Phi Tô, huyện Lâm Hà gồm:

Tổ 01: Do Cà Đức H – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Tổ trưởng; ông Lê Thanh Long – Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự xã, thành viên; ông Bùi Đức Tú – Công chức Địa chính xã, thành viên (*đã chết từ tháng 08/2023 do tai nạn giao thông*); ông Đàm Văn H – Phó trưởng Công an xã, thành viên.

Tổ 02: Do bị cáo Nhan Thế A – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Tổ trưởng; Nguyễn Văn Th - Trưởng Công an xã, thành viên; ông Lê Hoàng Lâm – Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự xã, thành viên; Nguyễn Phi H – Công chức Địa chính xã, thành viên.

Các tổ công tác này thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm tra, nắm tình hình, xác định đối tượng trọng điểm; tổ chức kiểm tra, xử lý triệt để vi phạm; phát hiện và xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật về hoạt động khai thác, vận chuyển, mua bán, tập kết khoáng sản, các quy định bảo vệ môi trường... tiến hành tạm giữ, thu giữ, xử lý tang vật, P1 tiện vi phạm; kiến nghị, đề xuất cấp trên những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tuần tra, kiểm tra, xử lý, báo cáo nội dung vụ việc xảy ra cho Ủy ban nhân dân huyện Lâm Hà. Thời gian thực hiện: Mỗi tổ trực một tuần (07 ngày) tại chốt thời gian trực 24/24 giờ tại vị trí ngã ba đường đi vào khu vực đất Công ty Mất Đá tại tiểu khu 243 khu Bãi Sái, thôn Ryông Tô, xã Phi Tô (cách vị trí khai thác khoáng sản không phép của đối tượng Khổng Văn Q khoảng 100m). Tổ công tác thành lập và hoạt động theo sự điều động chỉ đạo của bị cáo Cà Đức H, khi bị cáo H vắng mặt thì theo sự chỉ đạo của bị cáo Nhan Thế A.

Trên thực tế bị cáo Cà Đức H và các thành viên tổ công tác, sau khi thành lập chỉ phân công trực chốt 24/24 giờ trong thời gian 02 tuần đến 03 tuần đầu từ (21/7/2022 đến đầu tháng 8/2022), sau đó bị cáo Cà Đức H đã thống nhất với các thành viên gồm Nhan Thế A, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Phi H và chỉ đạo các thành viên khác không thực hiện trực chốt và tuần tra theo Kế hoạch ban đầu đã đề ra khi chưa có sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện Lâm Hà, chỉ thực hiện tuần tra nhưng không thường xuyên tại khu vực Tiểu khu 243, khu Bãi Sái, thôn Ryông Tô, xã Phi Tô (*trong đó có khu vực lòng H thủy điện Đa cho mo*) từ 02 đến 03 lần/tuần, quá trình thực hiện không tổ chức ghi chép sổ sách và chỉ đạo thành viên ghi chép sổ sách, không phân công lịch trực, lịch tuần tra cụ thể cho từng thành viên trong tổ, thời gian tuần tra không cố định từ 8 giờ sáng đến 18 giờ hằng ngày tùy theo tình hình thực tế.

Quá trình thực hiện nhiệm vụ theo sự điều động, chỉ đạo của bị cáo Cà Đức H vào các ngày 12/5/2023, 13/6/2023, 01/8/2023, tổ kiểm tra, xử lý hoạt động khai thác khoáng sản đã phát hiện vị trí tập kết và khai thác khoáng sản không phép của đối tượng Khổng Văn Q, cụ thể:

Ngày 12/5/2023, đoàn kiểm tra của Ủy ban nhân dân xã Phi Tô phát hiện, lập biên bản làm việc (thành phần đoàn gồm bị cáo Nguyễn Văn Th – Nguyên Trưởng Công an xã, bị cáo Nguyễn Phi H – Công chức địa chính xã và người chứng kiến ông Triệu Vũ Hiệp), ghi nhận tại vị trí có tọa độ X:119.196686; Y: 108.2948505 đồng cát có kích thước 17m×55m×5m (khoảng 4675 m³), tại thời điểm lập biên bản không có đối tượng, P1 tiện, vị trí phát hiện là vị trí đối tượng Không Văn Q thực hiện tập kết khoáng sản khai thác không phép tại hiện trường 2 (theo kết quả khám nghiệm hiện trường của Cơ quan Cảnh sát điều tra). Sau khi lập biên bản làm việc, bị cáo H báo cáo vụ việc bằng điện thoại cho bị cáo Cà Đức H, bị cáo H chỉ đạo miệng ghi trong biên bản thống nhất giao cho Công an xã điều tra làm rõ chủ đồng cát.

Ngày 13/6/2023, đoàn kiểm tra của Ủy ban nhân dân xã Phi Tô phát hiện lập biên bản làm việc (thành phần đoàn gồm có bị cáo Nguyễn Văn Th – Trưởng Công an xã, bị cáo Nguyễn Phi H – Công chức địa chính xã, người chứng kiến ông Triệu Vũ Hiệp, địa chỉ: xã Phi Tô, huyện Lâm Hà) ghi nhận tại vị trí X:119.173805; Y: 108.2961376 có dấu hiệu khai thác khoáng sản (cát) không phép dưới lòng suối. Tang vật có 01 đồng cát kích thước dài 6mx4mx1,5m (khoảng 36 m³). Vị trí phát hiện là vị trí đối tượng Không Văn Q thực hiện khai thác khoáng sản không phép tại hiện trường 01 (theo kết quả khám nghiệm hiện trường của Cơ quan cảnh sát điều tra). Sau khi lập biên bản làm việc, bị cáo H có báo cáo vụ việc qua điện thoại cho bị cáo Cà Đức H, bị cáo H cũng chỉ đạo miệng ghi vào biên bản thống nhất giao cho Công an xã quản lý và phối hợp với cơ quan đơn vị có liên quan xác minh làm rõ đối tượng.

Ngày 01/8/2023, đoàn kiểm tra của Ủy ban nhân dân xã Phi Tô tiếp tục phát hiện lập biên bản làm việc (thành phần đoàn gồm có ông Nhan Thế A – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, ông Nguyễn Văn Th – Trưởng Công an xã, ông Nguyễn Phi H – Công chức địa chính xã, người chứng kiến ông Triệu Vũ Hiệp) ghi nhận tại vị trí X:119.172729; Y: 108.2960893 định vị bằng máy điện thoại thông minh trên Google Map. Vị trí phát hiện là vị trí đối tượng Không Văn Q thực hiện khai thác khoáng sản không phép tại hiện trường 01 (theo Kết quả khám nghiệm hiện trường của Cơ quan Cảnh sát điều tra), tại hiện trường ghi nhận có 01 máy mức hiệu Hyundai đang bị hư hỏng để trên bờ, 01 máy nổ hút cát, 01 sàng cát dưới lòng suối, máy móc không hoạt động, không có đối tượng. Sau khi lập biên bản làm việc, bị cáo H báo cáo vụ việc miệng qua điện thoại cho bị cáo Cà Đức H, bị cáo H chỉ đạo miệng bị cáo H ghi trong biên bản thống nhất giao cho Công an xã tạm giữ và phối hợp với cơ quan đơn vị có liên quan xác minh làm rõ đối tượng, chủ P1 tiện.

Đối với các vụ việc xảy ra nêu trên, sau khi được báo cáo vụ việc bị cáo H đã không chỉ đạo bộ phận chuyên môn báo cáo Ủy ban nhân dân huyện Lâm Hà biết, không chỉ đạo xử lý vụ việc theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, không theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc xử lý vụ việc của Ban địa chính xã và Công an xã, không chỉ đạo bộ phận liên quan có biện pháp ngăn chặn kịp thời dẫn đến để đối tượng Khổng Văn Q tiếp tục thực hiện hành vi khai thác tập kết khoáng sản không phép trên địa bàn.

Hành vi thiếu trách nhiệm của bị cáo Nhan Thế A

Bị cáo Nhan Thế A giữ vai trò là Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phi Tô từ năm 2015 đến ngày 18/6/2024 ngoài trách nhiệm theo quy định, còn có trách nhiệm trong việc tham mưu chỉ đạo, điều hành, phân công nhiệm vụ cho các tổ công tác về việc theo dõi, kiểm tra, xử lý, hoạt động khai thác khoáng sản trái phép tại tiểu khu 243, khu Bãi Sái, thôn Ryông Tô, xã Phi Tô, huyện Lâm Hà. Nhan Thế Anh được phân công là Tổ trưởng tổ 02, có nhiệm vụ chỉ đạo tổ 02 trong việc tuần tra, kiểm tra, xử lý hoạt động khai thác khoáng sản (cát, đá...), tham gia trực chốt theo phân công 24/24; chỉ đạo Lập biên bản kiểm tra, tạm giữ toàn bộ tang vật và máy móc, P1 tiền, thiết bị phục vụ khai thác khoáng sản trái phép vận chuyển về trụ sở Ủy ban nhân dân xã Phi Tô để lưu giữ, lập biên bản xử lý vi phạm hành chính đối với đối tượng (nếu có) đang hoạt động khai thác khoáng sản trái phép tại Tiểu khu 243, khu Bãi Sái, thôn Ryông Tô, xã Phi Tô, chỉ đạo điều hành chung 02 tổ công tác khi bị cáo Cà Đức H vắng mặt, đồng thời tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã các vấn đề liên quan đến bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn.

Trên thực tế bị cáo Nhan Thế A và các thành viên tổ công tác, sau khi thành lập chỉ thực hiện trực chốt 24/24 giờ trong thời gian 02 tuần đến 03 tuần đầu từ (21/7/2022 đầu tháng 8/2022) còn sau đó bị cáo Thế A đã cùng thống nhất với bị cáo Cà Đức H và các thành viên trong hai tổ công tác không thực hiện trực chốt và tuần tra theo Kế hoạch ban đầu đã đề ra, trong khi chưa có sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện Lâm Hà. Đối với các vụ việc nêu trên, Tổ kiểm tra, xử lý hoạt động khai thác khoáng sản đã phát hiện vị trí tập kết và khai thác khoáng sản không phép của đối tượng Khổng Văn Q. Đối với vụ việc ngày 12/5/2023, ngày 13/6/2023, bị cáo Nhan Thế A không tham gia giao lại điều hành cho Nguyễn Phi H, vụ việc ngày 01/8/2023 bị cáo Nhan Thế A có tham gia cùng Đoàn nhưng về trước và đều bàn giao lại cho bị cáo Nguyễn Phi H tham gia cùng tổ công tác, khi có vụ việc xảy ra, 02 vụ ngày 12/5/2023 và ngày 13/6/2023, H báo cáo lại là có hiện tượng tập kết cát, khai thác khoáng sản không phép, bị cáo H đã lập biên bản và theo chỉ đạo của bị cáo Cà Đức H là giao cho Công an xã quản lý, tạm giữ

tang vật vi phạm và xác minh làm rõ chủ đồng cát, còn vụ việc ngày 01/8/2023, bị cáo Thế A có mặt tham gia nhưng bận công việc đột xuất về trước và cũng nghe H báo cáo lại sự việc. Sau khi nghe báo cáo vụ việc vi phạm, bị cáo Nhan Thế A không kiểm tra, giám sát, đôn đốc, chỉ đạo tổ công tác do mình phụ trách, không chỉ đạo kiểm tra, không đôn đốc việc xác minh, làm rõ đối tượng cũng như không tham mưu cho bị cáo Cà Đức H báo cáo cho Ủy ban nhân dân huyện Lâm Hà, không tham mưu và chỉ đạo tham mưu xử lý vụ việc theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, không theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc xử lý vụ việc của Ban địa chính xã và Công an xã dẫn đến không có biện pháp ngăn chặn kịp thời vẫn để đối tượng Không Văn Q tiếp tục tập kết, khai thác và bán một lượng khoáng sản khai thác không phép ra thị trường gây thiệt hại tài sản nhà nước.

Hành vi thiếu trách nhiệm của bị cáo Nguyễn Phi H

Bị cáo Nguyễn Phi H là công chức địa chính xã Phi Tô. Trong tổ công tác số 02, bị cáo Nguyễn Phi H được giao nhiệm vụ trong việc phối hợp tham gia tuần tra, kiểm tra, xử lý hoạt động khai thác khoáng sản, tham gia trực chốt theo phân công 24/24; tham mưu về các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên – môi trường; lập biên bản kiểm tra, tạm giữ toàn bộ tang vật và máy móc, P1 tiện, thiết bị phục vụ khai thác khoáng sản trái phép vận chuyển về trụ sở Ủy ban nhân dân xã Phi Tô để lưu giữ; tham mưu lập biên bản xử lý vi phạm hành chính đối với đối tượng (nếu có) đang hoạt động khai thác khoáng sản trái phép tại Tiểu khu 243, khu Bãi Sái, thôn Ry ông Tô, xã Phi Tô.

Trên thực tế bị cáo Nguyễn Phi H và các thành viên tổ công tác cũng không thực hiện trực chốt và tuần tra theo Kế hoạch ban đầu đã đề ra, quá trình thực hiện bị cáo Thế A không ghi chép sổ sách và chỉ đạo thành viên tổ 2 ghi chép sổ sách, không phân công lịch trực, lịch tuần tra cụ thể. Đối với các vụ việc ngày 12/5/2023, 13/6/2023, 01/8/2023 H là người trực tiếp tham gia tuần tra, phát hiện, lập biên bản đối với các vụ việc ngày 12/5/2023, 13/6/2023, 01/8/2023. Quá trình phát hiện bị cáo H tuy đã báo cáo nội dung vụ việc cho bị cáo Cà Đức H và Nhan Thế A để xin ý kiến chỉ đạo, tuy nhiên Sau khi lập biên bản làm việc, bị cáo H lưu giữ H sơ gốc tại phòng làm việc, không tham mưu cho Chủ tịch và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã có biện pháp xử lý tang vật, P1 tiện vi phạm, không theo dõi và tham mưu cho Chủ tịch và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc xác minh đối tượng, không tham mưu xử lý vụ việc theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 dẫn đến không có biện pháp

ngăn chặn kịp thời vẫn để đối tượng Khổng Văn Q tiếp tục thực hiện hành vi khai thác khoáng sản trái phép.

Hành vi thiếu trách nhiệm của bị cáo Nguyễn Văn Th

Nguyễn Văn Th nguyên Trưởng Công an xã Phi Tô trong việc phối hợp tham gia kiểm tra, xử lý, hoạt động khai thác khoáng sản trái phép tại tiểu khu 243, khu Bãi Sái, thôn Ryông Tô, xã Phi Tô, huyện Lâm Hà bị cáo Nguyễn Văn Th được giao nhiệm vụ phối hợp tham gia tuần tra, kiểm tra, xử lý hoạt động khai thác khoáng sản, tham gia trực chốt theo phân công 24/24; tham mưu về các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên – môi trường; lập biên bản kiểm tra, tạm giữ toàn bộ tang vật và máy móc, P1 tiện, thiết bị phục vụ khai thác khoáng sản trái phép vận chuyển về trụ sở Ủy ban nhân dân xã Phi Tô để lưu giữ; tham mưu lập biên bản xử lý vi phạm hành chính đối với đối tượng (nếu có) đang hoạt động khai thác khoáng sản trái phép tại Tiểu khu 243, khu Bãi Sái, thôn Ryông Tô, xã Phi Tô.

Trên thực tế bị cáo Nguyễn Văn Th cũng không thực hiện trực chốt và tuần tra theo kế hoạch ban đầu đã đề ra, chỉ thực hiện tuần tra nhưng không thường xuyên tại khu vực Tiểu khu 243, khu Bãi Sái, thôn Ryông Tô, xã Phi Tô (*trong đó có khu vực lòng H thủy điện Đa cho mo*) từ 02 đến 03 lần/tuần. Đối với các vụ việc ngày 12/5/2023, 13/6/2023, 01/8/2023, tổ kiểm tra, xử lý hoạt động khai thác khoáng sản đã phát hiện vị trí tập kết và khai thác khoáng sản không phép của đối tượng Khổng Văn Q, Th là người trực tiếp tham gia tuần tra, phát hiện đối với các vụ việc ngày 12/5/2023, 13/6/2023, 01/8/2023. Quá trình phát hiện theo chỉ đạo của bị cáo Cà Đức H, Th đã thống nhất nội dung và ký tên vào biên bản làm việc giao cho Công an xã tạm giữ, quản lý tang vật P1 tiện vi phạm và phối hợp với cơ quan đơn vị có liên quan xác minh làm rõ đối tượng. Sau khi lập biên bản bị cáo Th đã phô tô tài liệu để lưu giữ tại Công an xã. Sau khi được giao nhiệm vụ tạm giữ, quản lý tang vật P1 tiện vi phạm và phối hợp với cơ quan đơn vị có liên quan xác minh làm rõ đối tượng, bị cáo Th đã không chỉ đạo Công an xã thực hiện xác minh đối tượng và tham mưu cho Chủ tịch và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã có biện pháp xử lý tang vật, P1 tiện vi phạm, không báo cáo nội dung cho Công an huyện Lâm Hà biết dẫn đến không có biện pháp ngăn chặn kịp thời để đối tượng tiếp tục Khổng Văn Q thực hiện hành vi khai thác và tập kết khoáng sản không phép. (BL: 818-848; 859-900; 912-955; 1048-1084; 1244-1295; 1648-1712; 1780-1874; 1955-1966).

Vật chứng thu giữ: thể hiện tại Bảng thống kê vật chứng kèm theo (BL: 58; 60; 62-64; 88-89; 92; 572; 640-671; 1563; 1581; 1585; 1599; 1601; 1614; 1617).

Xử lý vật chứng:

Ngày 11/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 50/QĐ-CSKT ngày 11/12/2023 về việc trả cho Vũ Văn Duẩn: 01 (một) xe tải Thaco Forland, Biển kiểm soát: 49C-143.56, lý do: do quá trình điều tra xác định: nguồn gốc xe được Vũ Văn Duẩn mua hợp pháp từ ông Đào Quang Trung thông qua hợp đồng ủy quyền được công chứng đúng pháp luật, quá trình điều khiển xe chở cát Duẩn không biết nguồn gốc cát trên là do Khổng Văn Q khai thác trái phép. (BL: 582B-584).

Ngày 02/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng ra Quyết định xử lý vật chứng số: 943/QĐ-CSKT về việc bán đấu giá tài sản 6.210,170m³ cát vàng dùng trong xây dựng đã thu giữ của Khổng Văn Q. Ngày 22/8/2024, Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Lâm Đồng đã tổ chức đấu giá thành tài sản trên với giá trúng đấu giá là: 2.165.328.000 đồng (hai tỷ một trăm sáu mươi lăm triệu ba trăm hai mươi tám ngàn đồng). (BL: 807-817; 2409-2413).

Tại Bản Cáo trạng số 41/CT-VKSLĐ-P1 ngày 12/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng truy tố ra trước Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để xét xử đối với bị cáo Khổng Văn Q về tội: “*Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Cà Đức H, Nhan Thế A, Nguyễn Văn Th và Nguyễn Phi H về tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” quy định tại điểm c khoản 3 Điều 360 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã truy tố, các bị cáo không thắc mắc, khiếu nại nội dung của bản cáo trạng và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thắc mắc, khiếu nại nội dung của bản cáo trạng và không có ý kiến gì về số tiền đã bồi thường cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố; đề nghị tuyên bố bị cáo Khổng Văn Q phạm tội: “*Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên*”; tuyên bố các bị cáo Cà Đức H, Nhan Thế A, Nguyễn Văn Th và Nguyễn Phi H phạm tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”.

Áp dụng quy định tại điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 227; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Khổng Văn Q, xử bị cáo Khổng Văn Q từ 02 năm đến 03 năm tù. Phạt bổ sung bị cáo Khổng Văn Q từ 100.000.000đ đến 150.000.000đ sung ngân sách Nhà nước.

Áp dụng quy định tại điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 360; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Cà Đức H,

xử bị cáo Cà Đức H từ 03 năm đến 04 năm tù. Cấm đảm nhiệm các chức vụ từ 01 năm đến 02 năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

Áp dụng quy định tại điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 360; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nhan Thế A, xử bị cáo Nhan Thế A từ 03 năm đến 04 năm tù. Cấm đảm nhiệm chức vụ từ 01 năm đến 02 năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

Áp dụng quy định tại điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 360; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Th, xử bị cáo Nguyễn Văn Th từ 03 năm đến 04 năm tù. Cấm đảm nhiệm chức vụ từ 01 năm đến 02 năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

Áp dụng quy định tại điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 360; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Phi H, xử bị cáo Nguyễn Phi H từ 03 năm đến 04 năm tù. Cấm đảm nhiệm chức vụ từ 01 năm đến 02 năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo phải bồi thường số tiền đã gây thiệt hại cho Nhà nước là 3.064.581.094 đ; được trừ số tiền đã bán đấu giá tài sản là 2.119.785.632đ (2.145.328.000đ - chi phí thuê tổ chức bán đấu giá là 25.542.368đ), còn lại 944.795. 462 đồng buộc các bị cáo phải bồi thường

Tại giai đoạn điều tra, các bị cáo đã tự nguyện nộp khắc phục hậu quả như sau: bị cáo đã khắc phục bị cáo Nguyễn Phi H khắc phục 30.000.000đ (*biên lai số 0003864 ngày 28/8/2024*), bị cáo Nguyễn Văn Th khắc phục 30.000.000đ (*biên lai số 0003861 ngày 22/8/2024*); bị cáo Cà Đức H khắc phục 50.000.000đ (*biên lai số 0003863 ngày 27/8/2024*) và số tiền bị cáo Khổng Văn Q khắc phục 759.253.094đ (*gồm: 100.000.000đ theo biên lai 0003867 ngày 30/8/2024; số tiền 300.000.000đ theo biên lai số 0003987 ngày 11/11/2024; số tiền 359.253.094đ*), bị cáo Nhan Thế A khắc phục 50.000.000đ (*biên lai 0003937 ngày 01/10/2024*); tổng số tiền đã khắc phục là 919.253.094đ

Còn lại 25.542.368 đồng, tại phiên tòa bị cáo Khổng Văn Q tự nguyện đóng số tiền này nên buộc bị cáo Khổng Văn Q phải tiếp tục bồi thường 25.542.368 đồng.

Giao số tiền 25.542.368 đồng cho Sở tài chính tỉnh Lâm Đồng.

Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) xe máy mức, màu vàng hiệu Sumitomo, máy gắn gầu mức 0,7m³ (đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong);

- 01 (một) bè và động cơ hút cát đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme C55, màu trắng đã qua sử dụng của Đỗ Văn T;

- 01 (một) Điện thoại di động, hiệu Sam sung, loại S22 Ultra màu đen, đã qua sử dụng và 01 (một) USB 32GB, màu xám hiệu Kingston, dung lượng 1.15GB, trích xuất dữ liệu điện thoại, của bị cáo Không Văn Q, được niêm phong theo quy định, không kiểm tra chất lượng bên trong.

Trả lại bị cáo Không Văn Q: 01 (một) xe ô tô biển kiểm soát 49C-302.37 nhãn hiệu FordRanger màu đỏ cam, số máy YN2QPNM24880, số khung RL2UMFF60NMR24880, đã qua sử dụng kèm theo 01 (một) chứng nhận đăng ký xe ô tô số 49000795 do CA huyện Lâm Hà cấp ngày 05/10/2022, đứng tên Không Văn Q, địa chỉ: Đông Anh 2, TT Nam Ban, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng; Biển số đăng ký 49C-302.37 (bản gốc); 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định số DA2588750, P1 tiền biển đăng ký 49C-302.37 do Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Lâm Đồng, tại Đức Trọng cấp ngày 05/10/2022 (bản gốc); 01 (một) Hợp đồng mua bán xe ô tô số 758/OTĐL-HĐMB-22 ngày 27/9/2022 giữa Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ ô tô Đà Lạt với Không Văn Q (gồm 03 tờ, bản gốc); 01 (một) Biên bản nghiệm thu và bàn giao xe không đề ngày tháng, giữa Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ ô tô Đà Lạt với Không Văn Q đối với xe ô tô biển kiểm soát 49C-302.37 nhãn hiệu FordRanger Wildtrak 4x4 (gồm 01 tờ, bản gốc); 01 (một) Biên bản thanh lý Hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 27/9/2022, giữa Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ ô tô Đà Lạt với Không Văn Q đối với xe ô tô biển kiểm soát 49C-302.37 nhãn hiệu FordRanger Wildtrak 4x4 (gồm 01 tờ, bản gốc);

Trả lại bị cáo Cà Đức H: 01 (một) Điện thoại di động, hiệu Iphone, loại 13 Pro Max, màu đen đã qua sử dụng, của bị cáo Cà Đức H, được niêm phong theo quy định, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 (một) Điện thoại di động, hiệu Nokia, màu đen, đã qua sử dụng, của bị cáo Cà Đức H, được niêm phong theo quy định, không kiểm tra chất lượng bên trong.

Trả lại bị cáo Nhan Thế A: 01 (một) Điện thoại di động của bị cáo Nhan Thế A đã qua sử dụng, được niêm phong theo quy định, không kiểm tra chất lượng bên trong.

Trả lại bị cáo Nguyễn Văn Th: 01 (một) Điện thoại di động, hiệu Iphone 13 Promax, màu xanh, đã qua sử dụng, của bị cáo Nguyễn Văn Th, được niêm phong theo quy định, không kiểm tra chất lượng bên trong.

Trả lại bị cáo Nguyễn Phi H: 01 (một) Điện thoại di động, hiệu Iphone XS, màu đen, đã qua sử dụng, của bị cáo Nguyễn Phi H, được niêm phong theo quy định, không kiểm tra chất lượng bên trong.

Luật sư Nguyễn Văn Hoàng bào chữa cho bị cáo Cà Đức H phát biểu: Thống nhất tội danh mà Viện kiểm sát truy tố. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại thời điểm định giá tài sản để định lượng cho các bị cáo là gây bất lợi vì thời điểm phạm tội của các bị cáo vào tháng 7/2023 nhưng Cơ quan điều tra định giá vào thời điểm tháng 10/2023 là chưa phù hợp. Bị cáo H có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo có nhân thân tốt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử bị cáo H với mức án thấp nhất.

Luật sư Nguyễn P1 Đại Nghĩa bào chữa cho bị cáo Cà Đức H phát biểu: Thống nhất tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và các tình tiết giảm nhẹ, mức hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử thống nhất đề nghị của Luật sư Hoàng đã phát biểu về phần định giá tài sản. Các bị cáo không vụ lợi, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt nên đề nghị Hội đồng xét xử xử các bị cáo mức án thấp nhất.

Bị cáo H thống nhất lời trình bày của Luật sư, không bào chữa bổ sung và không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Các bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Các bị cáo ăn năn hối hận về hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong H sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai nhận các bị cáo cùng các tài liệu có trong H sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Khổng Văn Q không được cấp phép về khai thác khoáng sản, nạo vét tận thu khoáng sản tại dòng sông Đa Dâng thuộc

tiểu khu 243 Khu Bãi Xái, thôn Ryông Tô, xã Phi Tô, huyện Lâm Hà. Tuy nhiên, từ tháng 01/2023 đến tháng 07/2023 Khổng Văn Q đã khai thác trái phép $8.871,170\text{m}^3$ cát, gây thiệt hại cho nhà nước tổng số tiền trị giá là: 3.064.581.094 đồng (Ba tỷ không trăm sáu mươi tư triệu năm trăm tám mươi một ngàn không trăm chín mươi tư đồng), trong đó: khối lượng cát Q đã tiêu thụ một phần ra thị trường là 2.661m^3 với giá trị 919.253.094 đồng (chín trăm mười chín triệu hai trăm năm mươi ba ngàn không trăm chín mươi tư đồng), khối lượng còn lại tại hiện trường $6.210,170\text{m}^3$ với giá trị là: 2.145.328.000 đồng (hai tỷ một trăm bốn mươi lăm triệu ba trăm hai mươi tám ngàn đồng).

Ngày 18/7/2022 Ủy ban nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng ban hành công văn số 1349/UBND-TNMT chỉ đạo về việc kiểm tra, xử lý hoạt động khai thác đá chẻ tại thôn Ryông Tô, xã Phi Tô, huyện Lâm Hà. Cà Đức H – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phi Tô - đã thành lập các Tổ kiểm tra, xử lý hoạt động khai thác khoáng sản trái phép tại Tiểu khu 243 Khu Bãi xái, thôn Ryông Tô, xã Phi Tô, huyện Lâm Hà. Tuy nhiên, sau khi thành lập các Tổ công tác thì các thành viên trong Tổ công tác, cụ thể là: Cà Đức H, Nhan Thế A, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Phi H đã cùng thỏa thuận thống nhất với nhau không thực hiện trực chốt tuần tra theo kế hoạch đề ra. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, các bị cáo đã phát hiện vị trí tập kết và khai thác khoáng sản không phép của bị cáo Khổng Văn Q vào các ngày 12/5/2023, 13/6/2023 và ngày 01/8/2023. Tuy nhiên, các bị cáo Cà Đức H và Nhan Thế Anh đã không chỉ đạo kiểm tra, đôn đốc các bộ phận liên quan, việc xác minh, làm rõ đối tượng, không báo cáo Ủy ban nhân dân huyện Lâm Hà. Với nhiệm vụ của mình, bị cáo Nguyễn Phi H và Nguyễn Văn Th cũng không tham mưu cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch có biện pháp xử lý tang vật, P1 tiện vi phạm, không thực hiện việc xác minh đối tượng vi phạm, không có biện pháp ngăn chặn kịp thời. Dẫn đến, bị cáo Khổng Văn Q thực hiện hành vi khai thác và tập kết khoáng sản không phép với tổng khối lượng cát khai thác là $8.871,170\text{m}^3$, gây thiệt hại cho Nhà nước tổng số tiền là 3.064.581.094 đồng.

Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với kết luận định giá, kết luận giám định, vật chứng thu giữ, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Khổng Văn Q phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Cà Đức H, Nhan Thế A, Nguyễn Văn Th và Nguyễn Phi H phạm tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” quy định tại điểm c khoản 3 Điều 360 Bộ luật Hình sự. Các Luật sư cho rằng, thời điểm định giá tài sản vào tháng 10/2023 là chưa phù hợp; tuy nhiên qua xem xét các tài liệu, chứng

cứ có trong H sơ thì thấy rằng, các bị cáo đã phát hiện vi phạm vào tháng 7/2023 nhưng không xử lý triệt để, bị cáo Q tiếp tục khai thác cát trái phép đến tháng 10/2023 mới bị xử lý, vì vậy Cơ quan điều tra đã tiến hành định giá tài sản và xác định giá vào thời điểm vào tháng 10/2023, nên Kết luận định giá tài sản số 82/KL-HĐĐGTS ngày 12/01/2024 là phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến của các Luật sư bào chữa cho bị cáo H. Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của các bị cáo Cà Đức H, Nhan Thế A, Nguyễn Văn Th và Nguyễn Phi H thuộc trường hợp rất nghiêm trọng; hành vi của bị cáo Khổng Văn Q thuộc trường hợp nghiêm trọng; hành vi của bị cáo Khổng Văn Q xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về tài nguyên khoáng sản, bị cáo biết rằng khoáng sản là tài sản quốc gia do Nhà nước thống nhất quản lý, muốn khai thác thì phải được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, nhưng vì lợi nhuận bị cáo đã tổ chức khai thác khoáng sản không giấy phép nên cần xử phạt nghiêm, tương ứng với hành vi của bị cáo mới đảm bảo tính giáo dục và phòng ngừa chung.

Hành vi của các bị cáo Cà Đức H, Nhan Thế A, Nguyễn Văn Th và Nguyễn Phi H vì thiếu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đã không thực đúng, thực hiện không đầy đủ nhiệm vụ được giao nên để bị cáo Q khai thác trái phép cát khối lượng lớn, hành vi các bị cáo đã xâm phạm vào công tác quản lý, sự hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước được pháp luật bảo vệ, gây thiệt hại về tài sản đặc biệt nghiêm trọng, ảnh hưởng đến an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa P1. Do vậy, cần có mức án nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đánh giá nhân thân và vai trò các bị cáo.

[4.1] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra các bị cáo Khổng Văn Q, Cà Đức H, Nhan Thế A, Nguyễn Văn Th và Nguyễn Phi H đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Nhan Thế A có bố đẻ là ông Nhan Văn Ch đã được nhà nước tặng Huân chương Chiến sỹ vẻ vang, được Ủy ban nhân dân huyện Lâm Hà tặng nhiều Giấy khen, đã nộp số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) để khắc phục hậu quả. Bị cáo Nguyễn Văn Th có bố đẻ là ông Nguyễn Văn T đã được nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì, được Chủ tịch nước tặng Huy chương chiến sỹ vẻ vang năm 2012 và Giám đốc Công an

tỉnh Lâm Đồng tặng nhiều giấy khen, đã nộp số tiền 30.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Bị cáo Nguyễn Phi H có ông nội là Nguyễn Hữu C đã được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất, bị cáo đã nộp số tiền 30.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Bị cáo Cà Đức H đã nộp số tiền 50.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Bị cáo Khổng Văn Q đã nộp số tiền 759.253.094 đồng để khắc phục hậu quả. Nên áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo Khổng Văn Q. Áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo Nguyễn Phi H. Áp dụng điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo Nhan Thế A và Nguyễn Văn Th, Cà Đức H. Các bị cáo phạm tội nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đủ điều kiện áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xử các bị cáo dưới khung hình phạt cũng đủ răn đe giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Các bị cáo ở nhóm tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” phạm tội do lỗi vô ý, các bị cáo đều thiếu trách nhiệm, thực hiện không đầy đủ nhiệm vụ của bản thân được giao nên cần xử với mức án ngang nhau là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 227 Bộ luật Hình sự phạt bổ sung bị cáo Khổng Văn Q để răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

Áp dụng khoản 4 Điều 360 Bộ luật Hình sự, cấm các bị cáo Cà Đức H, Nhan Thế A, Nguyễn Văn Th và Nguyễn Phi H đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

- Về biện pháp tư pháp: Buộc các bị cáo phải bồi thường số tiền đã gây thiệt hại cho Nhà nước là 3.064.581.094 đ; được trừ số tiền đã bán đấu giá tài sản là 2.119.785.632đ (2.145.328.000đ - chi phí thuê tổ chức bán đấu giá là 25.542.368đ), còn lại 944.795. 462 đồng buộc các bị cáo phải nộp cho ngân sách Nhà nước.

Tại giai đoạn điều tra, các bị cáo đã tự nguyện nộp khắc phục hậu quả như sau: bị cáo đã khắc phục bị cáo Nguyễn Phi H khắc phục 30.000.000đ (*biên lai số 0003864 ngày 28/8/2024*), bị cáo Nguyễn Văn Th khắc phục 30.000.000đ (*biên lai số 0003861 ngày 22/8/2024*); bị cáo Cà Đức H khắc phục 50.000.000đ (*biên lai số 0003863 ngày 27/8/2024*) và số tiền bị cáo Khổng Văn Q khắc phục 759.253.094đ (*gồm: 100.000.000đ theo biên lai 0003867 ngày 30/8/2024; số tiền 300.000.000đ theo biên lai số 0003987 ngày 11/11/2024; số tiền 359.253.094đ theo biên lai số 0003990 ngày 14/11/2024*), bị cáo Nhan Thế A khắc phục

50.000.000đ (*biên lai 0003937 ngày 01/10/2024*); tổng số tiền đã khắc phục là 919.253.094đ

Còn lại 25.542.368 đồng, tại phiên tòa bị cáo Không Văn Q đồng ý tiếp tục bồi thường số tiền này nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị cáo Không Văn Q phải tiếp tục bồi thường 25.542.368 đồng.

Đối với số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Q lẽ ra cần buộc bị cáo nộp lại nhưng các bị cáo đã bồi thường, khắc phục toàn bộ thiệt hại cho Nhà nước là phù hợp nên không buộc bị cáo Q phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính.

Giao số tiền 25.542.368 đồng cho Sở tài chính tỉnh Lâm Đồng.

- Về xử lý vật chứng:

+ *Tịch thu sung ngân sách Nhà nước*: 01 (một) xe máy mức, màu vàng hiệu Sumitomo, máy gắn gầu mức 0,7m³ (đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong); 01 (một) bè và động cơ hút cát đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme C55, màu trắng đã qua sử dụng của Đỗ Văn T; 01 (một) Điện thoại di động, hiệu Sam sung, loại S22 Ultra màu đen, đã qua sử dụng và 01 (một) USB 32GB, màu xám hiệu Kingston, dung lượng 1.15GB, trích xuất dữ liệu điện thoại, của bị cáo Không Văn Q, được niêm phong theo quy định, không kiểm tra chất lượng bên trong.

+ *Trả lại bị cáo Không Văn Q*: 01 (một) xe ô tô biển kiểm soát 49C-302.37 nhãn hiệu FordRanger màu đỏ cam, số máy YN2QPNM24880, số khung RL2UMFF60NMR24880, đã qua sử dụng kèm theo 01 (một) chứng nhận đăng ký xe ô tô số 49000795 do CA huyện Lâm Hà cấp ngày 05/10/2022, đứng tên Không Văn Q, địa chỉ: Đông Anh 2, TT Nam Ban, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng; Biển số đăng ký 49C-302.37 (bản gốc); 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định số DA2588750, P1 tiên biển đăng ký 49C-302.37 do Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Lâm Đồng, tại Đức Trọng cấp ngày 05/10/2022 (bản gốc); 01 (một) Hợp đồng mua bán xe ô tô số 758/OTĐL-HĐMB-22 ngày 27/9/2022 giữa Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ ô tô Đà Lạt với Không Văn Q (gồm 03 tờ, bản gốc); 01 (một) Biên bản nghiệm thu và bàn giao xe không đề ngày tháng, giữa Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ ô tô Đà Lạt với Không Văn Q đối với xe ô tô biển kiểm soát 49C-302.37 nhãn hiệu FordRanger Wildtrak 4x4 (gồm 01 tờ, bản gốc); 01 (một) Biên bản thanh lý Hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 27/9/2022, giữa Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ ô tô Đà Lạt với Không Văn Q đối với xe ô tô biển kiểm soát 49C-302.37 nhãn hiệu FordRanger Wildtrak 4x4 (gồm 01 tờ, bản gốc);

+ *Trả lại bị cáo Cà Đức H*: 01 (một) Điện thoại di động, hiệu Iphone, loại 13 Pro Max, màu đen đã qua sử dụng, được niêm phong theo quy định, không

kiểm tra chất lượng bên trong; 01 (một) Điện thoại di động, hiệu Nokia, màu đen, đã qua sử dụng, được niêm phong theo quy định, không kiểm tra chất lượng bên trong.

+ *Trả lại bị cáo Nhan Thế A*: 01 (một) Điện thoại di động của bị cáo Nhan Thế A đã qua sử dụng, được niêm phong theo quy định, không kiểm tra chất lượng bên trong.

+ *Trả lại bị cáo Nguyễn Văn Th*: 01 (một) Điện thoại di động, hiệu Iphone 13 Promax, màu xanh, đã qua sử dụng, của bị cáo Nguyễn Văn Th, được niêm phong theo quy định, không kiểm tra chất lượng bên trong.

+ *Trả lại bị cáo Nguyễn Phi H*: 01 (một) Điện thoại di động, hiệu Iphone XS, màu đen, đã qua sử dụng, của bị cáo Nguyễn Phi H, được niêm phong theo quy định, không kiểm tra chất lượng bên trong.

[7] Trong vụ án có đối tượng Đỗ Văn T là người được Không Văn Q thuê để mức cát, đào cát và bán cát. Quá trình làm thuê, Q không cho T biết việc Q khai thác cát là không phép nhưng khi làm được một thời gian thì T biết việc Q khai thác cát là không được cấp phép. Tuy nhiên, giá trị cát do T giúp Q bán ra ngoài trong quá trình làm thuê chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự (số tiền là 98.500.000 đồng). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng đã có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân xã Phi Tô, huyện Lâm Hà lập H sơ xử lý vi phạm hành chính đối với Đỗ Văn T theo quy định.

Các đối tượng tên Cường, Vinh, Tiến là những người Không Văn Q thuê để mức cát, đào cát, bán cát cho Q và một số tài xế chở cát mua của Không Văn Q. Quá trình điều tra, bị cáo Q và Đỗ Văn T khai nhận không biết họ tên cụ thể, không có địa chỉ cư trú rõ ràng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng không có căn cứ để xác minh, làm rõ.

Đối với Đàm Văn H - Phó trưởng Công an xã Phi Tô: Trong quá trình thực hiện công tác với vai trò là Phó trưởng Công an xã, Đàm Văn H không được giao phụ trách phòng chống tội phạm trên lĩnh vực tài nguyên khoáng sản trên địa bàn. Với vai trò là thành viên Tổ công tác số 01 theo Quyết định số 56/QĐ-UBND xã Phi Tô ngày 21/7/2022, Đàm Văn H không được triển khai và không được nhận Quyết định nên không biết là thành viên của Tổ công tác và không nắm được nội dung nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 21/7/2022. Xét thấy, không có căn cứ để xử lý hình sự đối với Đàm Văn H là phù hợp.

Đối với Lê Thanh L – Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự xã Phi Tô: Trong quá trình thực hiện công tác với vai trò là thành viên Tổ công tác số 01 theo Quyết định số 56/QĐ-UBND xã Phi Tô ngày 21/7/2022, Lê Thanh L được triển khai và nhận Quyết định, tuy nhiên không được triển khai và nhận được Kế

hoạch số 52/KH-UBND ngày 21/7/2022 nên không nắm được nội dung nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch. Đồng thời, với vai trò trong Tổ công tác chỉ có nhiệm vụ phối hợp tham gia tuần tra, phối hợp tạm giữ tang vật P1 tiền vi phạm (nếu có) không có vai trò trách nhiệm chính, vai trò quyết định trong việc chỉ đạo, xử lý khi phát hiện vụ việc xảy ra. Xét thấy, không có căn cứ để xử lý hình sự đối với Lê Thanh L là phù hợp.

Đối với Lê Hoàng L – là Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự xã Phi Tô: Trong quá trình thực hiện công tác, với vai trò là thành viên Tổ công tác số 02 theo Quyết định số 56/QĐ-UBND xã Phi Tô ngày 21/7/2022, Lê Hoàng L không được tham gia cuộc họp triển khai Quyết định nhưng được Lê Thanh L triển khai lại. Tuy nhiên, Lê Hoàng L không được triển khai, không nhận được Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 21/7/2022 nên không nắm được nội dung nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch. Đồng thời, với vai trò trong Tổ công tác chỉ có nhiệm vụ phối hợp tham gia tuần tra, phối hợp tạm giữ tang vật P1 tiền vi phạm (nếu có) không có vai trò trách nhiệm chính, vai trò quyết định trong việc chỉ đạo, xử lý khi phát hiện vụ việc xảy ra. Xét thấy, không có căn cứ để xử lý hình sự đối với Lê Hoàng L.

Đối với Bùi Đức T – Cán bộ địa chính xã Phi Tô đã chết do tai nạn từ tháng 08/2023 nên không xem xét xử lý trong vụ án này.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Riêng bị cáo Khổng Văn Q phải nộp án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền còn phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Khổng Văn Q phạm tội: “*Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên*”; tuyên bố các bị cáo Cà Đức H, Nhan Thế A, Nguyễn Văn Th và Nguyễn Phi H phạm tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”.

1.1. Áp dụng quy định tại điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 227; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Khổng Văn Q, xử bị cáo Khổng Văn Q 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 18/01/2024. Phạt bổ sung bị cáo Khổng Văn Q 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

1.2. Áp dụng quy định tại điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 360; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Cà Đức H, xử bị cáo Cà Đức H 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính

từ ngày bắt 18/6/2024. Cấm đảm nhiệm các chức vụ 02 (hai) năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

1.3. Áp dụng quy định tại điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 360; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nhan Thế A, xử bị cáo Nhan Thế A 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 18/6/2024. Cấm đảm nhiệm các chức vụ 02 (hai) năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

1.4. Áp dụng quy định tại điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 360; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Th, xử bị cáo Nguyễn Văn Th 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 18/6/2024. Cấm đảm nhiệm các chức vụ 02 (hai) năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

1.5. Áp dụng quy định tại điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 360; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Phi H, xử bị cáo Nguyễn Phi H 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 18/6/2024. Cấm đảm nhiệm các chức vụ 02 (hai) năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

2. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

- Về biện pháp tư pháp: Buộc các bị cáo phải bồi thường số tiền đã gây thiệt hại cho Nhà nước là 3.064.581.094 đ; được trừ số tiền đã bán đấu giá tài sản là 2.119.785.632đ (2.145.328.000đ - chi phí thuê tổ chức bán đấu giá là 25.542.368đ), còn lại 944.795. 462 đồng buộc các bị cáo phải nộp cho ngân sách Nhà nước.

Tại giai đoạn điều tra, các bị cáo đã tự nguyện nộp khắc phục hậu quả như sau: bị cáo đã khắc phục bị cáo Nguyễn Phi H khắc phục 30.000.000đ (*biên lai số 0003864 ngày 28/8/2024*), bị cáo Nguyễn Văn Th khắc phục 30.000.000đ (*biên lai số 0003861 ngày 22/8/2024*); bị cáo Cà Đức H khắc phục 50.000.000đ (*biên lai số 0003863 ngày 27/8/2024*) và số tiền bị cáo Khổng Văn Q khắc phục 759.253.094đ (*gồm: 100.000.000đ theo biên lai 0003867 ngày 30/8/2024; số tiền 300.000.000đ theo biên lai số 0003987 ngày 11/11/2024; số tiền 359.253.094đ theo biên lai số 0003990 ngày 14/11/2024*), bị cáo Nhan Thế A khắc phục 50.000.000đ (*biên lai 0003937 ngày 01/10/2024*); tổng số tiền đã khắc phục là 919.253.094đ

Buộc bị cáo Khổng Văn Q phải tiếp tục bồi thường 25.542.368 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

Tuyên giao số tiền 25.542.368 đồng cho Sở tài chính tỉnh Lâm Đồng.

- Về xử lý vật chứng:

+ *Tịch thu sung ngân sách Nhà nước*: 01 (một) xe máy mức, màu vàng hiệu Sumitomo, máy gắn gầu mức $0,7m^3$ (đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong); 01 (một) bè và động cơ hút cát đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme C55, màu trắng đã qua sử dụng của Đỗ Văn T; 01 (một) Điện thoại di động, hiệu Sam sung, loại S22 Ultra màu đen, đã qua sử dụng và 01 (một) USB 32GB, màu xám hiệu Kingston, dung lượng 1.15GB, trích xuất dữ liệu điện thoại, của bị cáo Khổng Văn Q, được niêm phong theo quy định, không kiểm tra chất lượng bên trong.

+ *Trả lại bị cáo Khổng Văn Q*: 01 (một) xe ô tô biển kiểm soát 49C-302.37 nhãn hiệu FordRanger màu đỏ cam, số máy YN2QPNM24880, số khung RL2UMFF60NMR24880, đã qua sử dụng kèm theo 01 (một) chứng nhận đăng ký xe ô tô số 49000795 do CA huyện Lâm Hà cấp ngày 05/10/2022, đứng tên Khổng Văn Q, địa chỉ: Đông Anh 2, TT Nam Ban, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng; Biển số đăng ký 49C-302.37 (bản gốc); 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định số DA2588750, P1 tiền biển đăng ký 49C-302.37 do Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Lâm Đồng, tại Đức Trọng cấp ngày 05/10/2022 (bản gốc); 01 (một) Hợp đồng mua bán xe ô tô số 758/OTĐL-HĐMB-22 ngày 27/9/2022 giữa Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ ô tô Đà Lạt với Khổng Văn Q (gồm 03 tờ, bản gốc); 01 (một) Biên bản nghiệm thu và bàn giao xe không đề ngày tháng, giữa Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ ô tô Đà Lạt với Khổng Văn Q đối với xe ô tô biển kiểm soát 49C-302.37 nhãn hiệu FordRanger Wildtrak 4x4 (gồm 01 tờ, bản gốc); 01 (một) Biên bản thanh lý Hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 27/9/2022, giữa Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ ô tô Đà Lạt với Khổng Văn Q đối với xe ô tô biển kiểm soát 49C-302.37 nhãn hiệu FordRanger Wildtrak 4x4 (gồm 01 tờ, bản gốc);

+ *Trả lại bị cáo Cà Đức H*: 01 (một) Điện thoại di động, hiệu Iphone, loại 13 Pro Max, màu đen đã qua sử dụng, được niêm phong theo quy định, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 (một) Điện thoại di động, hiệu Nokia, màu đen, đã qua sử dụng, được niêm phong theo quy định, không kiểm tra chất lượng bên trong.

+ *Trả lại bị cáo Nhan Thế A*: 01 (một) Điện thoại di động của bị cáo Nhan Thế A đã qua sử dụng, được niêm phong theo quy định, không kiểm tra chất lượng bên trong.

+ *Trả lại bị cáo Nguyễn Văn Th*: 01 (một) Điện thoại di động, hiệu Iphone 13 Promax, màu xanh, đã qua sử dụng, của bị cáo Nguyễn Văn Th, được niêm phong theo quy định, không kiểm tra chất lượng bên trong.

+ *Trả lại bị cáo Nguyễn Phi H:* 01 (một) Điện thoại di động, hiệu Iphone XS, màu đen, đã qua sử dụng, của bị cáo Nguyễn Phi H, được niêm phong theo quy định, không kiểm tra chất lượng bên trong.

4. Về án phí: Áp dụng các Điều 135; 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Khổng Văn Q, Cà Đức H, Nhan Thế A, Nguyễn Văn Th và Nguyễn Phi H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Khổng Văn Q phải chịu 1.277.118đ (một triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn một trăm mười tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh để xét xử phúc thẩm. Người liên quan chỉ được quyền kháng cáo phần có liên quan./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- VKSNDCC tại Thành phố HCM (01);
- Vụ GDKT I – TANDTC (01);
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Lâm Đồng (02);
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng PV 06 CA tỉnh Lâm Đồng (01);
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng (01);
- Bị cáo (10); Người liên quan (15);
- Luật sư (01);
- Người liên quan (04);
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ (08);
- H sơ THAHS (08);
- Lưu Tòa Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Duy Hoài